TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 4** **TỈNH SƠN LA**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 03-7-2025
V/v xin ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4, TỈNH SƠN LA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Phương Thuý

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Nguyên Hồng

2. Ông Hà Văn Sơ

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Huế - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4, tỉnh Sơn La;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 tham gia phiên toà*:* Bà Nguyễn Thị Tâm - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 7 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 132/2025/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 4 năm 2025 về việc xin ly hôn. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 33/2025/QĐXX-HNGĐ ngày 12 tháng 5 năm 2025 và quyết định hoãn phiên tòa số 14/2025/QĐST-HNGĐ ngày 05/6/2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Vì Thị T, sinh ngày 15/6/2003. Số căn cước công dân: 01, ngày cấp: 02/02/2023, nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội. Địa chỉ: Bản A, xã B, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La (nay là bản A, xã B, tỉnh Sơn La). Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn:* Anh Lò Văn S, sinh ngày 01/01/1997. Số căn cước công dân: 00, ngày cấp: 27/6/2021, nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội. Địa chỉ: Bản A1, xã B, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La (nay là bản A1, xã B, tỉnh Sơn La). Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện đề ngày 02 tháng 4 năm 2025 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Vì Thị T trình bày như sau:

Chị và anh Lò Văn S chung sống với nhau từ năm 2019 do cả hai cùng tự nguyện. Anh chị có đi đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La (nay là xã B, tỉnh Sơn La) theo quy định và đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 21/12/2021. Anh chị đã được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán. Sau khi kết hôn hai anh, chị chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến giữa năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, anh S thường hay uống rượu, không tu chí làm ăn. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng với anh S đã không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lò Văn S.

Về con chung: Anh chị không có con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Chị Thi đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt chị tại phiên tòa.

Trong quá trình giải quyết vụ án, do anh S thường xuyên không có mặt tại địa phương nên Tòa án đã niêm yết hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa tuy nhiên anh S không có mặt để giải quyết vụ án.

Tại biên bản ghi ý kiến anh Lò Văn S qua số điện thoại 096XXXXX30 có sự chứng kiến của ông Lò Văn Y (bố đẻ anh S) và ông Lò Văn P (trưởng bản A1): Anh S xác nhận anh và chị T có đi đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật trên cơ sở hai bên cùng tự nguyện và đã được tổ chức cưới theo phong tục, tập quán. Anh S chỉ nhất trí ly hôn với chị T nếu chị Ti thanh toán chi phí đám cưới mà bên nhà anh đã chi trả. Hiện anh S đi làm thuê xa nhà nên không thể về tham gia giải quyết vụ án nhưng anh không cung cấp địa chỉ nơi cư trú hiện tại.

Tòa án đã tiến hành xác minh về nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng, con chung, tài sản chung và nợ chung vợ chồng của chị T và anh S với ông Lò Văn Y (bố đẻ anh S) và ông Lò Văn P (trưởng bản A1). Ông Y và ông P đều xác nhận chị Vì Thị T và anh Lò Văn S tự nguyện kết hôn và có đăng ký tại Uỷ ban nhân dân xã theo đúng quy định của pháp luật. Về mâu thuẫn vợ chồng giữa anh S và chị T là do xuất phát trong thời gian hai anh chị đi làm xa nhà, chị T hiện đã chuyển về nhà bố mẹ đẻ tại bản A, xã B sinh sống. Tại thời điểm Tòa án xác minh vợ chồng anh S và chị T đang sống ly thân.

Do anh S vắng mặt tại địa phương và các đương sự chưa thống nhất được toàn bộ việc giải quyết vụ án nên vụ án được đưa ra xét xử theo quy định.

Sau khi chủ toạ công bố đơn xin xét xử vắng mặt của chị T, lý do vắng mặt của anh S và công bố tóm tắt nội dung vụ án, tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án; đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4, tỉnh Sơn La phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và quan điểm giải quyết vụ án như sau:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của pháp luật.

- Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến phiên toà ngày hôm nay nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ và tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét tất cả các ý kiến của những người tham gia phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, Điều 147, 266, 271, 238 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điểm a khoản 5 Điều 27, điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử theo hướng:

+ Về hôn nhân: Xử cho chị Vì Thị T được ly hôn với anh Lò Văn S.

+ Về con chung: Không có.

+ Về tài sản chung, nợ chung vợ chồng: Chấp nhận việc chị Vì Thị T không yêu cầu giải quyết về tài sản và nợ chung vợ chồng.

+ Về án phí: Chị Vì Thị T được miễn án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng:

Xét yêu cầu khởi kiện được xác định trong đơn khởi kiện và lời khai của chị Vì Thị T về việc xin ly hôn với anh Lò Văn S. Chị T đề nghị Tòa án giải quyết các vấn đề liên quan đến quan hệ hôn nhân. Do vậy, căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì Tòa án nhân

dân khu vực 4 thụ lý vụ án hôn nhân gia đình và xác định quan hệ tranh chấp là xin ly hôn là đúng quy định của pháp luật.

Trước khi mở phiên tòa, Tòa án đã triệu tập hợp lệ đối với các đương sự trong vụ án. Tuy nhiên, nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ 02 lần nhưng vắng mặt không có lý do. Do vậy, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án là phù hợp với quy định tại khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về yêu cầu xin ly hôn:

[2.1] Về hôn nhân:

Chị Vì Thị T và anh Lò Văn S tự nguyện kết hôn với nhau từ năm 2021, anh chị đã được UBND xã B, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La (nay là xã B, tỉnh Sơn La) cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 21/12/2021. Khi kết hôn hai bên đủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật, do đó anh chị là vợ chồng hợp pháp. Sau khi kết hôn hai anh, chị chung sống hòa thuận, hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Chị T cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn là do hai anh chị có nhiều bất đồng trong quan điểm, lối sống, anh S Thường xuyên uống rượu, đánh chị, không tu chí làm ăn. Chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn, hai anh chị không thể tiếp tục chung sống nên có nguyện vọng xin ly hôn với anh Lò Văn S. Quá trình xác minh tình trạng hôn nhân tại gia đình anh S và tại địa phương nơi cư trú của anh S sinh sống cũng thể hiện rõ vợ chồng anh chị có mâu thuẫn với nhau, anh S hiện vắng mặt tại địa phương, không thông báo nơi cư trú hiện nay; chị T hiện đang sống cùng bố mẹ đẻ tại bản A, xã B, tỉnh Sơn La; hai anh chị đã sống ly thân từ năm 2022 đến nay. Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị T và anh S mâu thuẫn đã trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được, do đó cần căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, cho ly hôn giữa chị Vì Thị T và anh Lò Văn S.

[2.2] Về con chung: Chị T và anh S không có con chung nên Toà án không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung vợ chồng: Chị T khai chị và anh S không có tài sản chung, nợ chung nên không đề nghị Toà án giải quyết. Anh S đề nghị chị T thanh toán chi phí đám cưới của anh chị nhưng không có văn bản trình bày ý kiến, yêu cầu cụ thể, tài liệu chứng cứ chứng minh. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết trong vụ án này. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp về tài sản chung, nợ chung và có người khởi kiện thì sẽ được giải quyết ở một vụ án khác theo quy định của pháp luật.

[2.4] Về án phí: Chị Vì Thị T là người dân tộc thiểu số cư trú tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn nên căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì chị Thi thuộc trường hợp được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, Điều 147, 266, 271, 238 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điểm a khoản 5 Điều 27, điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Vì Thị T và anh Lò Văn S.

2. Về con chung: Không có.

3. Về tài sản chung, nợ chung vợ chồng: Chấp nhận việc chị T không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết. Nếu sau này phát sinh tranh chấp về tài sản chung, nợ chung vợ chồng và có người khởi kiện thì sẽ được giải quyết ở một vụ án khác.

4. Về án phí: Chị Vì Thị T được miễn án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

***Nơi nhận**:*
- TAND tỉnh Sơn La;
- VKSND tỉnh Sơn La;
- VKSND KV4, tỉnh Sơn La;
- THADS tỉnh Sơn La;
- UBND xã B, tỉnh Sơn La;
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ, án văn.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN –CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đinh Thị Phương Thúy